TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16-10-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhã

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 593/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trà M sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn T1 sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại số 2 Trại giam Quảng Ninh; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 7 năm 2019 cùng các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, chị Nguyễn Thị Trà M (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trà M và anh Vũ Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 05/4/2013. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại Thôn A, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống,

vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Sau đó anh Vũ Văn T1 phạm tội và phải chấp hành án phạt tù. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn T1.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Trà M và anh Vũ Văn T1 có một con chung tên là Vũ Đức P sinh ngày 08/3/2016. Hiện con đang khỏe mạnh, phát triển bình thường và do chị đang nuôi dưỡng. Điều kiện nuôi con của chị tốt, đảm bảo được cho con phát triển bình thường. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị đề nghị để chị và anh Vũ Văn T1 tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Trà M và anh Vũ Văn T1 có tài sản chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Trong bản tự khai đề ngày 05 tháng 9 năm 2019 cùng các lời khai với Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, anh Vũ Văn T1 (bị đơn) trình bày:

Anh Vũ Văn T1 thừa nhận toàn bộ lời trình bày của chị Nguyễn Thị Trà M là đúng. Nay chị Nguyễn Thị Trà M đề nghị ly hôn, anh đồng ý ly hôn. Khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị Nguyễn Thị Trà M nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung anh có quan điểm như chị Nguyễn Thị Trà M đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của bị đơn, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về các tài liệu, chứng cứ và tình tiết của vụ án:

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Về quan hệ hôn nhân, con chung và lý do đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ đó phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà đương sự giao nộp, phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được nên thuộc trường hợp không phải chứng minh; Quan hệ tài sản chung vợ chồng đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề phải chứng minh.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị Trà M và anh Vũ Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Trà M và anh Vũ Văn T1.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Trà M và anh Vũ Văn T1 được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 05/4/2013 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xảy ra cãi nhau, mâu thuẫn trở nên căng thẳng, trầm trọng dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị Trà M xin ly hôn với anh Vũ Văn T1 và anh Vũ Văn T1 đồng ý ly hôn. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Trà M với anh Vũ Văn T1.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Trà M và anh Vũ Văn T1 có một con chung tên là Vũ Đức P sinh ngày 08/3/2016. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị Trà M đề nghị được nuôi con chung và anh Vũ Văn T1 đồng ý với quan điểm của chị Nguyễn Thị Trà M. Tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự thể hiện chị Nguyễn Thị Trà M có điều kiện, khả năng và thời gian để chăm sóc con chung tốt, con chung đang do chị Nguyễn Thị Trà M nuôi dưỡng, khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện tại anh Vũ Văn T1 không đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho chị Nguyễn Thị Trà M trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị Nguyễn Thị Trà M và anh Vũ Văn T1 tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Trà M và anh Vũ Văn T1 không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Trà M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Trà M và anh Vũ Văn T1.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Vũ Đức P sinh ngày 08/3/2016 cho chị Nguyễn Thị Trà M trực tiếp nuôi dưỡng. Việc trực tiếp nuôi con chung được thực hiện cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Trà M và anh Vũ Văn T1 tự thỏa thuận giao nhận cho nhau.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Trà M và anh Vũ Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trà M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Trà M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tại Biên lai số 0002822 ngày 01 tháng 8 năm 2019; Chị Nguyễn Thị Trà M đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Trà M, anh Vũ Văn T1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã C, huyện Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhã